

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 261/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D; cùng cư trú tại: Số 111/203 thôn C, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Trung D và bà Nguyễn Thị Phương D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên va chạm bất hòa; cuộc sống chung không có hạnh phúc, đã sống ly thân, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, anh D và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D có hai con chung Bùi Trung N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013; Bùi Trung H, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2017. Ly hôn, anh D và chị D thỏa thuận giao hai con chung cho chị D nuôi dưỡng sau ly hôn.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D thỏa thuận anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D số tiền 2.500.000.000đồng/tháng/1 con. Tổng cộng số tiền anh D phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị D là 5.000.000đồng/ 1 tháng/ 2con. Xét thấy, quan điểm của hai bên đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D thỏa thuận anh D nộp 300.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước. Xét quan điểm của các đương sự là tự nguyện nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Trung D và bà Nguyễn Thị Phương D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Trung N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 và Bùi Trung H, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2017 sau ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D thỏa thuận anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D số tiền 2.500.000đồng/ 1 tháng/ 1 con chung. Tổng số tiền anh D phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị D là 5.000.000đồng/1tháng/ 2con. Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Trung D và chị Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Trung D nộp cả 300.000đồng tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Anh D đã nộp đủ 300.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (biên lai thu tiền số 0004370 ngày 22 tháng 7 năm 2019), nên không phải nộp nữa.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự h An Dương;
- UBND xã A;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hương